

PHÊ DUYỆT DANH SÁCH TRẺ EM NHÀ TRẺ BÁN TRÚ THEO NGHỊ ĐỊNH 66/2025/NĐ-CP THÁNG 09 ĐẾN THÁNG 12 NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 393 /QĐ - UBND, ngày 08 tháng 10 năm 2025 của UBND xã Thanh Yên)

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Số tiền được hỗ trợ/ tháng	Số tháng	Tổng tiền được hỗ trợ	Ghi chú
		Nam	Nữ						
TRƯỜNG MN SỐ 2 THANH YÊN								24.480.000	
1	Nông Anh Tú	26/10/2023		Nhà trẻ A	Thổ	360.000	4	1.440.000	Thôn bản ĐBKk
2	Hà Minh Khang	16/03/2023		Nhà trẻ A	Thổ	360.000	4	1.440.000	Thôn bản ĐBKk
3	Hoàng Trúc Quỳnh Anh		25/09/2023	Nhà trẻ A	Thổ	360.000	4	1.440.000	Thôn bản ĐBKk
4	Lò Tiến Đạt	20/02/2023		Nhà trẻ B	Thái	360.000	4	1.440.000	Thôn bản ĐBKk
5	Tông Thị Ngọc Hân		07/10/2023	Nhà trẻ B	Thái	360.000	4	1.440.000	Thôn bản ĐBKk
6	Quảng Thị Thủy Chi		11/11/2023	Nhà trẻ B	Thái	360.000	4	1.440.000	Thôn bản ĐBKk
7	Lò Quỳnh Anh		27/11/2023	Nhà trẻ B	Thái	360.000	4	1.440.000	Thôn bản ĐBKk
8	Lò Diệu Anh		03/07/2023	Nhà trẻ B	Thái	360.000	4	1.440.000	Thôn bản ĐBKk
9	Lò Khánh Ly		24/01/2024	Nhà trẻ B	Thái	360.000	4	1.440.000	Thôn bản ĐBKk
10	Quảng Thủy Trang		16/01/2024	Nhà trẻ B	Thái	360.000	4	1.440.000	Thôn bản ĐBKk
11	Lò Bình An	10/6/2023		Nhà trẻ C	Thái	360.000	4	1.440.000	Thôn bản ĐBKk
12	Cà Diệu Vy		30/12/2023	Nhà trẻ C	Thái	360.000	4	1.440.000	Thôn bản ĐBKk
13	Quảng Minh Duy	19/11/2023		Nhà trẻ C	Thái	360.000	4	1.440.000	Thôn bản ĐBKk
14	Lương Thị Thu Huyền		17/07/2023	Nhà trẻ C	Thái	360.000	4	1.440.000	Thôn bản ĐBKk
15	Lò Bảo Ngọc		23/03/2023	Nhà trẻ C	Thái	360.000	4	1.440.000	Thôn bản ĐBKk
16	Tông Thị Gia Hân		01/05/2024	Nhà trẻ C	Thái	360.000	4	1.440.000	Thôn bản ĐBKk
17	Lương Thị Kim Ngân		03/05/2024	Nhà trẻ C	Thái	360.000	4	1.440.000	Thôn bản ĐBKk